

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06 / 01 / 2026

*“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cao Trí, bà Nguyễn Thị Thu Sương

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Trọng Tín, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc *“Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 548/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 583/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 22/11/1984. Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: 089184026182. Địa chỉ: Số nhà G, tổ B, ấp M, xã V, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc; Nhà trọ V1, đường B, tổ C, khu phố F, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh ngày 11/10/1985. Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: 351649829. Địa chỉ: Số G, tổ B, ấp M, xã V, tỉnh An Giang (đã được triệu tập hợp lệ 2 lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V trình bày như sau:*

Giữa bà Nguyễn Ngọc V và ông Nguyễn Thanh S quen biết và tự nguyện chung sống với nhau rồi tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới

và có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh An Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi do ông S thường xuyên nhậu nhẹt, ăn chơi cờ bạc. Từ khi có đứa con thứ hai thì ông S không lo lắng và không quan tâm đến vợ con. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, mặc dù bà V đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được, bà V và ông S đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Ngọc V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Quá trình chung sống, có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 26/8/2008, Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Danh Ngọc P, sinh ngày 14/5/2023. Hiện 03 con chung đang sống với bà V. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động được, bà V không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác cho các đương sự nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh S vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án cho Tòa án.

* Tòa án tiến hành xác minh, được biết ông Nguyễn Thanh S có đăng ký thường trú và hiện tại đang sinh sống tại ấp M, xã V, tỉnh An Giang. Về mâu thuẫn gia đình giữa bà V và ông S như thế nào thì ban ấp không biết do ông bà không có nhờ ban ấp can thiệp hay hòa giải.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Do nguyên đơn bà V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông S đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Chủ tọa công bố lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán được được công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là Bộ luật Tố tụng Dân sự); Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về phiên toà sơ thẩm.

+ Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh S; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 26/8/2008, Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Danh Ngọc P, sinh ngày 14/5/2023 cho nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Ngọc V yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Thanh S. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Thanh S có địa chỉ cư trú tại xã V, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, riêng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Ngọc V và ông Nguyễn Thanh S chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh An Giang) theo đúng theo quy định tại

Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Bà V xin ly hôn ông S, nêu nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, ông S bỏ mặc không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2023 đến nay. Bà V đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Theo khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Tình nghĩa vợ chồng: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng cả bà Nguyễn Ngọc V và ông Nguyễn Thanh S đều vắng mặt, riêng bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không tham gia phiên tòa, cả hai đều không còn thiện chí gặp gỡ, trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc V là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử căn cứ cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cho bà Nguyễn Ngọc V được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Giữa bà Nguyễn Ngọc V và ông Nguyễn Thanh S có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 26/8/2008, Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Danh Ngọc P, sinh ngày 14/5/2023. Xét thấy, hiện cháu L, cháu T và cháu P đang sống ổn định với bà V, bà V có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông S không có ý kiến gì về con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu L, cháu T và cháu P cho bà V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông S cũng không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này, bà V và ông S có yêu cầu hay có tranh chấp gì về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Về quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung: Căn cứ vào 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy ông S là người không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định.

Người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này, bà V, ông S có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[3] *Về án phí:* Bà Nguyễn Ngọc V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc V.

Bà Nguyễn Ngọc V được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc V được quyền nuôi dạy ba con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 26/8/2008, Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Danh Ngọc P, sinh ngày 14/5/2023. Ông Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thanh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Bà Nguyễn Ngọc V và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thanh S đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu số 0003172 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Ngọc V đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc V và ông Nguyễn Thanh S là 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13-An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13-An Giang
- UBND xã Vĩnh Thạnh Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc

